

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2018/DS-PT

Ngày: 21-8-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- TH2nh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Dng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Kim Tư

Ông Phạm Văn Ngọt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2018 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2018/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 157/2018/QĐPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Dương Văn H (K), sinh năm 1978, cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trương Văn T1, sinh năm 1978, cư trú tại: Ấp C, xã M1, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 4 năm 2017).

**- Bị đơn:**

1. Bà Phạm Thị R (R1), sinh năm 1957, cư trú tại: Ấp H1, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Anh Phan Văn D, sinh năm 1989, cư trú tại: Ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 8 năm 2017).

2. Bà Lương Thị Châu H2, sinh năm 1977, cư trú tại: Ấp H1, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị R là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Văn T1 trình bày:*

Ngày 26/8/2016, anh Dương Văn H có cho bà R và chị H2 vay số tiền 310.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, thời hạn trả là 30 ngày. Đến ngày 26/9/2016 anh H nhiều lần yêu cầu bà R và chị H2 trả tiền nhưng hai người không thực hiện nên nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà R, chị H2 cùng liên đới trả cho anh số tiền 310.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 26/9/2016 đến khi xét xử sơ thẩm.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Thị R là anh Phan Văn D trình bày:*

Bà R có ký tên vào giấy vay tiền của anh H nhưng bà R không nhận số tiền này. Việc vay tiền này là do chị H2 vay để trả nợ ngân hàng trong đó tiền vốn là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 60.000.000 đồng. Tại “Bảng cam kết” do anh Lương Văn K2 viết (là con bà R và là em ruột của chị H2) với sự đồng ý của anh H và sự chứng kiến của bà R với nội dung từ ngày 16/11/2016 cho tới ngày chưa bán được nhà của chị H2 thì bà R và anh K2 không có trách nhiệm trả nợ cho anh H số tiền nợ nêu trên. Do bà R không nhận tiền từ anh H nên bà không đồng ý liên đới cùng chị H2 trả nợ.

*Bị đơn chị Lương Thị Châu H2 vắng mặt nên không có lời khai.*

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2018/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định như sau:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn H;

Buộc bà Phạm Thị R và chị Lương Thị Châu H2 có trách nhiệm liên đới trả cho anh Dương Văn H số tiền 351.850.000 đồng (ba trăm năm mươi một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/4/2018, bị đơn bà Phạm Thị R kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2018/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, bà R không đồng ý cùng liên đới với chị H2 để trả nợ cho anh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét Bảng cam kết của anh Lương Văn K2 thể hiện nội dung chị H2 chỉ nợ của anh H số tiền 250.000.000 đồng. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là “Giấy mượn tiền” không có thời gian lập, văn bản có nội dung chị Lương Thị Châu H2 cùng bà Phạm Thị R có mượn của anh Dương Văn H số tiền 310.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày 26/8/2016 đến 26/9/2016 sẽ trả lại tiền vay cho anh H, văn bản này được bà R và chị H2 cùng ký tên xác nhận.

[2] Chứng cứ do phía bị đơn cung cấp là “Bảng cam kết” không ghi rõ thời gian lập văn bản, có nội dung anh Lương Văn K2 là em ruột của chị Lương Thị Châu H2, chị H2 có mượn của anh H số tiền 250.000.000 đồng, không lãi suất, do chị H2 không có khả năng trả nợ nên anh Lương Văn K2 cam kết nếu được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ bán căn nhà của chị H2 để trả nợ cho anh H; từ ngày 16/11/2016 cho đến ngày chưa bán được nhà thì anh K2 và bà R không có trách nhiệm trả tiền cho anh H, văn bản nêu trên được anh H ký tên xác nhận cùng với anh Lương Văn K2. Tuy nhiên, “Bảng cam kết” là văn bản thỏa thuận có điều kiện nhưng thực tế hai bên không thực hiện được, hơn nữa trong văn bản này cũng không có bà R, chị H2 ký tên xác nhận.

[3] Xét thấy, theo nội dung giấy mượn tiền thì bà R cam kết cùng chị H2 đến ngày 26/9/2016 sẽ trả tiền nợ vay cho anh H là 310.000.000 đồng nhưng bà R, chị H2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà R, chị H2 phải liên đới trả cho anh H số tiền vay 310.000.000 đồng cùng tiền lãi là 41.850.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các điều 476, 478 Bộ luật Dân sự

2005, do đó kháng cáo của bà R không được chấp nhận, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2018/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

**[4] Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Phạm Thị R, chị Lương Thị Châu H2 phải liên đới chịu án phí là 17.592.500 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh Dương Văn H là 8.273.000 đồng theo biên lai thu số 0007991 ngày 18/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Thị R phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0016453 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị R (R1);

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2018/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M.

Áp dụng Điều 305, 471, 474, 476, 478, 298 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn H;

Buộc bà Phạm Thị R (R1) và chị Lương Thị Châu H2 có trách nhiệm liên đới trả cho anh Dương Văn H số tiền 351.850.000 đồng (ba trăm năm mươi một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người*

*được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hành tháng bên phải thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị R, chị Lương Thị Châu H2 phải liên đới chịu án phí là 17.592.500 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh Dương Văn H là 8.273.000 đồng theo biên lai thu số 0007991 ngày 18/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị R phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0016453 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Huỳnh Ngọc Dũng**